

Bản án số: 07/2018/HC-PT

Ngày 17 - 01 - 2019

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Huy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính phúc thẩm thụ lý số 273/2018/TLPT-HC ngày 28/8/2018 về việc khiếu kiện quyết định hành chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn A, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn T, Văn phòng luật sư T. Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn B, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z (Văn bản ủy quyền số 01/UQ-UBND ngày 07/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện Z). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn O, xã Y, huyện Z, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn A (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2018)

3. 2. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn C2, Chủ tịch UBND xã Y. Vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 29/9/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn A trình bày:

Từ năm 1952, cụ Nguyễn M (ông nội ông) có sử dụng 1.890m² đất, bản đồ 299 đã thể hiện là thửa đất số 159 tờ bản đồ số 2, diện tích 1890 m²; nay là thửa đất số 231, diện tích 1.471,3 m² và diện tích 754,6 m² ao. Đến cuối năm 1993, cụ M cho vợ chồng ông ra ở trên đất. Năm 1994, vợ chồng ông dựng nhà cấp bốn, năm 2013 xây 3 gian nhà mái bằng, nhưng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không có ý kiến gì. Năm 2007, ông A đã có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi UBND xã Y nhưng UBND xã không giải quyết, ông đã có nhiều đơn khiếu nại gửi UBND huyện Z.

Ngày 23/9/2016, UBND huyện Z có thông báo số 99/TB-UBND nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông. Ngày 22/12/2016, Chủ tịch UBND huyện Z đã ban hành Quyết định số 7539/QĐ-UBND với nội dung: *“Giữ nguyên Thông báo số 99/TB-UBND ngày 23/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện Z, đồng thời bổ sung nội dung của Thông báo số 99 với nội dung cụ thể là UBND xã Y có trách nhiệm lập hồ sơ bổ sung quy hoạch sử dụng đất khu dân cư xã Y tại vị trí đất ông A đang sử dụng, sau đó lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A trên diện tích đã xây dựng nhà ở và các công trình khác phục vụ đời sống sinh hoạt, ông A có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Phần diện tích còn lại giao cho UBND xã Y quản lý theo chế độ sử dụng đất nông nghiệp”*.

Không đồng ý với Quyết định số 7539/QĐ-UBND nêu trên, ông Nguyễn A khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hủy Quyết định với lý do: UBND huyện Z chỉ chấp nhận cấp giấy chứng nhận cho vợ chồng ông 1.471,3m² nhưng phải nộp tiền sử dụng đất, còn 754,6 m² ao giao cho UBND xã Y quản lý là sai pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của gia đình ông. Theo quy định của luật đất đai gia đình ông đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất trong trường hợp không có bất cứ giấy tờ gì, nhưng đã sử dụng trước ngày 15/10/1993, thỏa mãn điều kiện không có tranh chấp với người liên kế và không vi phạm quy hoạch trước khi sử dụng. Năm 2008, Chủ tịch UBND xã Y đã xác nhận nguồn gốc thửa đất do ông nội ông là cụ Nguyễn Viết M trực tiếp quản lý, sử dụng và cụ M đã ủy quyền cho ông quản lý, sử dụng thửa đất này.

Ông A cung cấp các tài liệu từ Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở tài nguyên - Môi trường gồm: Bản mô tả rộng giới, mốc giới thửa đất; Kết quả đo đạc địa chính thửa đất; Trích lục bản đồ (từ tờ bản đồ số 2 - thuộc bản đồ 299); Trích lục bản đồ đo vẽ năm 2011 để chứng minh việc thiết lập hồ sơ địa chính của xã Y thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Bản

đồ 299 ghi loại đất T nhưng sổ địa chính lại ghi chủ sử dụng là hợp tác xã và tài liệu địa chính lập năm 2011, ghi chủ sử dụng thửa đất là bà Nguyễn Thị C3 trong khi đó bà C3 đã có nhà đất khác, ổn định, bà C3 hoàn toàn không biết gì về việc đã được ghi tên trong thửa đất này.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Z trình bày:

Nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 7539/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 là có căn cứ. Chủ tịch UBND huyện giữ nguyên nội dung đã giải quyết tại Thông báo số 99, có bổ sung việc lập hồ sơ bổ sung quy hoạch sử dụng đất khu dân cư xã Y trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tại vị trí đất ông A đang sử dụng, sau đó lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A trên diện tích đã xây dựng nhà ở và các công trình khác phục vụ đời sống sinh hoạt. Ông A có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Phần diện tích còn lại giao cho UBND xã Y quản lý theo chế độ sử dụng đất nông nghiệp.

UBND xã Y do người đại diện theo pháp luật trình bày:

Theo hồ sơ đo đạc đất đai theo chỉ thị 299/Ttg, diện tích mà ông Nguyễn A đề nghị yêu cầu cấp GCNQSDĐ thể hiện tại thửa số 159, tờ bản đồ số 02, diện 1890 m², loại đất " T"; sổ mục kê đất đai thể hiện chủ sử dụng là Hợp tác xã, tình hình thủy lợi " Máng". Theo bản đồ giải thửa lập năm 1993, thể hiện tại mảnh bản đồ số 02, thửa đất số 240, diện tích 584 m², loại đất " T" thung. Bản đồ giải thửa năm 2003, thể hiện tờ bản đồ số 06, thửa đất 377, diện tích 449 m², loại đất " Vườn" và thửa đất số 376, diện tích 630 m², loại đất ao, sổ mục kê đất đai thể hiện chủ sử dụng là UBND xã.

Về nguồn gốc thửa đất: Vào khoảng thập kỷ 60, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp chỉ đạo đào mương tưới cho các xứ đồng đã đào máng thủy lợi N2 chạy qua xứ Đông Mây, lấy đất đắp bờ tạo thành thung diện tích 1890 m². Thời điểm đó, họ Nguyễn xin Hợp tác xã diện tích đất này và giao cho ông Nguyễn M trồng rau nộp sản phẩm để hương khói cho nhà thờ họ (theo phong tục tập quán ở địa phương). Trước năm 1993, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tiếp tục cải tạo ao, thung thành đất canh tác để chia ruộng cho các hộ theo Nghị quyết 03, sau cải tạo diện tích thung 584 m², Hợp tác xã tiếp tục cho dòng họ Nguyễn khoán cho ông M thu sản phẩm hàng năm. Đến năm 2000, ông M già yếu giao cho cháu nội là ông A một phần và ông Sách (con trai ông M) một phần. Ông A làm đơn ra xã lý do gia đình đông anh em và xin cho dựng lều cấp 4 trông coi mảnh đất thay ông M. Sau đó, ông A đóng sản phẩm cho họ Nguyễn được hai vụ và sau đó không nộp sản phẩm nữa. Đến năm 2008, trưởng họ Nguyễn là ông Nguyễn Đ đã làm đơn ra UBND xã để trả lại diện tích thung cho UBND xã quản lý. Từ đó đến nay, UBND xã quản lý, không khoán và không thu sản phẩm.

UBND xã Y có quan điểm: Ông Nguyễn A cho rằng ông Nguyễn M sử dụng thửa đất từ năm 1952 đến nay là không có căn cứ.

Người có quyền lợi liên quan bà Trần Thị C (vợ ông A) có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện và các nội dung ông A trình bày.

Bà Nguyễn Thị C3 có quan điểm: Hiện tại bà đang quản lý sử dụng thửa đất 386 tại Thôn O, xã Y, còn thửa đất số 231, tờ bản đồ số 16, diện tích 1471,3 m² mà ông A đang sử dụng không liên quan gì đến bà và bà cũng không liên quan đến việc ông A khởi kiện. Bà đề nghị được vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Bản án sơ thẩm số 06/2018/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Áp dụng Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- *Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7539/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Z.*

- *Ông Nguyễn A phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ đi 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002877 ngày 05/12/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.*

Ngày 27/7/2018, ông Nguyễn A có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định 7539/QĐ-UBND với lý do: Bản đồ địa chính 299 đã ghi thửa đất 159 diện tích 1890m² là đất T (có nghĩa là đất thổ cư); bản đồ giải thửa năm 1993 không có giá trị pháp lý thay thế bản đồ 299. Bản đồ địa chính 2011 do ông thu thập được đã thể hiện thửa 159 cũ nay là thửa 231 diện tích 1471m² loại đất trồng cây hàng năm; 754,6m² là đất ao (tên bà C3) nhưng người bị kiện lại cho rằng bản đồ này không có giá trị pháp lý. Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ nội dung cụ M viết trong giấy ủy quyền lập năm 2008 UBND xã Y đã xác nhận cụ đã khai hoang, sử dụng quản lý thửa đất 159 từ năm 1952.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Nguyễn A xác định không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo và không có thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Ông A xác định ra ở khu đất từ năm 1993-1994, khi đó cụ M đã san lấp một phần đất nhưng không có nhà cửa gì của cụ; gian nhà hiện nay trên đất là do vợ chồng ông xây dựng năm 2013.

Luật sư trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn A: Ông A khởi kiện là có căn cứ. Người bị kiện không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh quá trình lập hồ sơ địa chính đã làm đúng quy định nhưng lại được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Bản đồ 299 đã ghi rất rõ loại đất là T, diện tích 1890m² ở khu vực gọi là xóm Lầy. Văn bản pháp luật về ký hiệu loại đất đều quy định T là đất thổ cư, mà đã là đất thổ cư thì chủ thể quản lý

không thể là Hợp tác xã hay UBND xã được, thế nhưng UBND huyện Z lại cho rằng là đây là loại đất thung (vũng) thuộc quyền sử dụng của UBND xã là sai. Đất này của cụ M quản lý sử dụng từ 1952, cụ đã có giấy cho ông A quản lý, khi ông A xây dựng nhà không ai phản đối nên UBND huyện cần xem xét cấp GCNQSD đất cho ông A. UBND huyện lại yêu cầu phải nộp tiền sử dụng đất mới được cấp và lại giao phần đất ao cho UBND xã quản lý là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy Quyết định số 7539/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z để UBND huyện thực hiện việc cấp GCNQSD đất cho ông A theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Z có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính kể từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án:

Bản đồ 299, số mục kê cùng thời điểm đều không đúng tên cụ M mà là đất của UBND xã quản lý, là đất nông nghiệp (thung vũng, ao hồ), là loại đất nông nghiệp. Cụ M chưa bao giờ có tên trong hồ sơ địa chính đo đạc qua các thời kỳ, gia đình chưa bao giờ nộp thuế, kê khai nên không đủ căn cứ xác định cụ M có quyền sử dụng hợp pháp đối với đất này. UBND xã Y chỉ xác nhận chữ ký của cụ M trong Giấy ủy quyền để ông A đăng ký quyền sử dụng đất cho hộ gia đình. Nay cụ M đã chết, nên không có cơ sở để căn cứ giấy này công nhận quyền sử dụng 1.890m² đất cho ông A. Từ trước đến nay thửa đất thuộc quy hoạch đất nông nghiệp, ông A làm nhà ở là không đúng mục đích sử dụng đất nên không đảm bảo điều kiện phù hợp quy hoạch; UBND huyện mới có chủ trương quy hoạch chuyển mục đích sang đất dân cư nên chấp nhận cấp GCNQSD một phần thửa đất cho gia đình ông A nhưng gia đình phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, phần đất ao giao UBND xã quản lý. Như vậy là đã giải quyết đúng và bảo đảm lợi ích hợp pháp của ông A nên không có căn cứ để hủy Quyết định số 7539/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý đơn khởi kiện ngày 29/9/2017 của ông Nguyễn A đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 7539/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Z “Về việc giải quyết khiếu nại của

ông Nguyễn A” là đúng quy định tại Điều 204 Luật đất đai 2013; Điều khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 27/3/2017, ngày 10/4/2017 người khởi kiện đã có đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 206, và khoản 2 Điều 209 Luật tổ tụng hành chính, được chấp nhận xem xét kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Theo quy định tại Điều 105 Luật Đất đai 2013, UBND huyện Z là cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất. Ông Nguyễn A có đơn yêu cầu UBND huyện Z công nhận quyền sử dụng 1890m² đất và cấp GCNQSD cho ông. Tại Thông báo số 99 ngày 23/9/2016, UBND huyện Z đã trả lời nhưng ông không đồng ý và tiếp tục khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện Z đã thụ lý, tổ chức xác minh, tiến hành đối thoại theo trình tự, thủ tục và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là thực hiện đúng thẩm quyền, quy định tại Điều 7, Điều 18, các Điều 27 đến 32 Luật Khiếu nại.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Ông Nguyễn A cho rằng 1.892m² đất có nguồn gốc do cụ Nguyễn M đã sử dụng từ năm 1952; bản đồ 299 đã thể hiện toàn bộ là đất thổ cư và đến năm 1993 đã cho ông làm nhà ở và sử dụng ổn định toàn bộ đến nay, không có tranh chấp nên có đủ điều kiện được công nhận và được cấp GCNQSD đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai 2013 (Điều 50 Luật đất đai 2003).

- Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: *Luật đất đai 2013 tại Khoản 2 Điều 101 quy định: 2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.”*

- Ông A thừa nhận gia đình không có bất cứ giấy tờ gì về nguồn gốc đất; chưa có tên trong sổ sách địa chính lập qua các thời kỳ đo đạc; gia đình chưa bao giờ nộp thuế; cụ M (ông nội ông), ông G (cha đẻ của ông) chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng thửa đất này, đến năm 2007 ông mới có đơn yêu cầu cấp GCN;

Hồ sơ đất đai do UBND xã, UBND huyện quản lý đo đạc qua các thời kỳ (bản đồ 299, sổ mục kê lập 1986; bản đồ địa chính lập năm 1993) đều thể hiện là đất nông nghiệp do UBND xã quản lý (với hiện trạng ghi trong sổ mục kê là thùng vũng), có nguồn gốc của Hợp tác xã do các xã viên đắp bờ tạo thành ao (thùng); xung quanh đều là các thửa đất trồng lúa; sau đó dòng họ Nguyễn sử dụng (cụ Nguyễn M sử dụng để lấy sản phẩm hương khói cho dòng họ). Một số

người trong dòng họ Nguyễn xác nhận sau khi cụ M cho ông sử dụng thì ông cũng chỉ đóng góp hương khói cho dòng họ được một thời gian, sau khi cụ M chết ông không đóng góp nữa. Do đó, không đủ căn cứ xác định cụ M đã quản lý ổn định thửa đất số 59 bản đồ 299 diện tích 1890 m² đất từ năm 1952 và đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ M.

Ông A xuất trình Giấy ủy quyền ngày 15/01/2008 của cụ M có xác nhận của UBND xã. Tuy nhiên, nội dung giấy này cụ M chỉ nêu là *sử dụng đất ao do lịch sử để lại từ năm 1980 về trước và đã cho cháu Tịnh sử dụng làm nhà ở nhưng chưa được công nhận để cấp GCN, nay tôi đã già yếu nên ủy quyền cho cháu Tịnh đứng ra làm thủ tục để được công nhận và được cấp GCN quyền sử dụng đất cho hộ gia đình tôi*. Chủ tịch UBND xã xác nhận cuối đơn “*Xác nhận ông Nguyễn M là người địa phương, có điểm chỉ trong giấy ủy quyền là đúng*”. Kháng cáo của ông A cho rằng UBND xã đã xác nhận nguồn gốc sử dụng hợp ổn định hợp pháp và cụ M cho ông đất, là không đúng với nội dung cụ M viết và nội dung UBND xã đã xác nhận nêu trên. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, ông A xác nhận cụ M có 6 người con, cụ đã chết năm 2010, không có chúc để lại cho ông A nên theo quy định về việc ủy quyền và thừa kế của Bộ luật dân sự, Giấy ủy quyền này cũng không phù hợp.

Ông A cho rằng từ 1993 đã xây dựng nhà ở ổn định không có tranh chấp với ai, tuy nhiên theo các đơn của ông ngày và các biên bản UBND xã Y làm việc với gia đình ông tháng 11/2000 chỉ thể hiện do có khó khăn về chỗ ở nên vợ chồng ông có ra xây dựng nhà trên đất lấn chiếm của ao tập thể tại xóm Lầy, UBND xã đã không chấp nhận việc xây dựng và đã yêu cầu phải trả lại hiện trạng. Ông A không có giấy tờ gì chứng minh thời điểm sử dụng đất từ 1993 (biên lai nộp thuế đất, giấy tờ đăng ký kê khai,...); căn nhà hiện tại trên đất xây dựng năm 2013. Trong khi đó, đất tại khu vực này từ trước đến nay vẫn là đất nông nghiệp, theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 của UBND huyện Z khu vực này là đất trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản, không quy hoạch là đất khu dân cư.

- Như vậy, ông Nguyễn A không đủ điều kiện để được công nhận và cấp GCNQSD 1.890m² đất theo quy định của Luật đất đai. Chủ tịch UBND huyện Z đã trả lời ông tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 7539/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 là có căn cứ.

[2.2] Quyết định giải quyết khiếu nại số 7539/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Z có nội dung giao UBND xã Y có trách nhiệm lập hồ sơ quy hoạch đất khu vực khu dân cư tại khu vực ông đang sử dụng đất, sau đó lập hồ sơ cấp GCN đối với phần đất đã xây dựng nhà ở và công trình, ông A có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Như vậy là đã xem xét đến nhu cầu và hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông. Đối với phần còn lại có nguồn gốc là của UBND xã nên UBND xã tiếp tục quản lý theo quy định là đúng quy định của luật đất đai.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông

Nguyễn A về việc hủy Quyết định số 7539/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Z là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[3] Kháng cáo không được chấp nhận nên **ông Nguyễn A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn A. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn A phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ 300.000 tạm ứng đã nộp tại biên lai số 0001592 ngày 01/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/01/2019.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Vân Hương